

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH/NGHỀ: KHOA HỌC CÂY TRỒNG**  
**MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6620109**  
**TRÌNH ĐỘ : CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG**

*Ban hành kèm theo quyết định số: 161/QĐ-CĐCS ngày 29 tháng 4 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su*

**Bình Phước, Năm 2024**



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Ngành, nghề:** Khoa học cây trồng

**Mã ngành, nghề:** 6620109

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng Liên thông

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp trung cấp trở lên

**Thời gian khóa học:** 01 năm

### 1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Khoa học cây trồng trình độ cao đẳng là ngành, nghề nghiên cứu ứng dụng quy trình kỹ thuật canh tác các loại cây trồng và các yếu tố tác động đến sự sinh trưởng, phát triển của cây trồng, nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Nhiệm vụ chính của nghề bao gồm từ sản xuất giống cây trồng, trồng, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch, sơ chế, bảo quản đến chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật...

Người làm nghề Khoa học cây trồng có thể làm việc tại các nông hộ, trang trại, hợp tác xã nông nghiệp, các cơ quan đơn vị hành chính, sự nghiệp, các công ty giống cây trồng, các doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm, trung tâm dịch vụ, các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực khoa học cây trồng.

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 930 giờ

### 2. Mục tiêu đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

Khoa học cây trồng trình độ cao đẳng là ngành, nghề nghiên cứu ứng dụng quy trình kỹ thuật canh tác các loại cây trồng và các yếu tố tác động đến sự sinh trưởng, phát triển của cây trồng, nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Nhiệm vụ chính của nghề bao gồm từ sản xuất giống cây trồng, trồng, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch, sơ chế, bảo quản đến chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật...

Người làm nghề Khoa học cây trồng có thể làm việc tại các nông hộ, trang trại, hợp tác xã nông nghiệp, các cơ quan đơn vị hành chính, sự nghiệp, các công ty giống cây trồng, các doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm, trung tâm dịch vụ, các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực khoa học cây trồng

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

##### 2.2.1 Kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cơ sở của ngành Khoa học cây trồng như: sinh lý thực vật, thực vật học, di truyền thực vật, vi sinh vật, khí tượng nông nghiệp, giống cây trồng...

- Trình bày được các nguyên lý cơ bản trong sản xuất giống cây trồng như: bảo tồn, khai thác nguồn gen, các nguyên lý chọn tạo giống cây trồng, khảo nghiệm và nhân giống cây trồng;

- Trình bày được kiến thức về các loại phân bón và cách bón phân;

- Mô tả được các bước trong quy trình kỹ thuật canh tác các loại cây trồng nông nghiệp;

- Phân tích được các biện pháp bảo vệ cây trồng;

- Trình bày được các nguyên lý cơ bản, phương pháp trong thu hoạch, sơ chế, bảo quản nông sản;

- Trình bày được kiến thức cơ bản về chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;

- Trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin.

#### 2.2.2 Kỹ năng:

- Ứng dụng được các phương pháp chọn tạo và nhân giống thích hợp cho từng loại cây trồng;

- Sử dụng các loại phân bón hiệu quả, linh hoạt phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu và đối tượng cây trồng;

- Thực hiện và hướng dẫn thực hiện quy trình kỹ thuật canh tác các loại cây trồng nông nghiệp;

- Vận dụng linh hoạt các biện pháp bảo vệ thực vật: kỹ thuật canh tác, sinh học, vật lý, hóa học và quản lý dịch hại tổng hợp;

- Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản nông sản;

- Thực hiện được các hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

#### 2.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng Pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực, có ý thức kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao;

- Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn;

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động

### 3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Sản xuất giống cây trồng;
- Sử dụng phân bón;
- Canh tác cây trồng;
- Bảo vệ thực vật;
- Thu hoạch, sơ chế, bảo quản nông sản;
- Kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;
- Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật.

### 4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 930/37 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 17
- Khối lượng học tập các môn học chung: 180/8 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 750/31 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 281 (giờ); thực hành, thực tập: 603 (giờ)

### 5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
<b>I</b>	<b>Năng lực cơ bản (năng lực chung)</b>	
1	NLCB-01	Hiểu biết cơ bản về pháp luật
2	NLCB-02	Sử dụng thành thạo tin học văn phòng
3	NLCB-03	Sử dụng tiếng anh cơ bản
4	NLCB-04	Rèn luyện sức khỏe
5	NLCB-05	Rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức
6	NLCB-06	Hiểu biết cơ bản về quốc phòng và an ninh
7	NLCB-07	Nhận biết đặc điểm sinh lý và các quá trình sinh trưởng, phát triển của cây trồng
8	NLCB-08	Kiểm tra, đánh giá chất lượng giống
9	NLCB-09	Nhận biết đặc điểm và tính chất của các loại đất
10	NLCB-10	Xây dựng công thức bón phân đầy đủ, cân đối cho cây trồng
11	NLCB-11	Dự đoán ảnh hưởng của các biến đổi khí hậu toàn cầu đến sản xuất nông nghiệp

12	NLCB-12	Xác định mối liên quan mật thiết giữa cây trồng với các điều kiện sống
<b>II</b>	<b>Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b>	
1	NLCL-01	Lựa chọn mô hình sản xuất
2	NLCL-02	Khảo sát vùng sản xuất
3	NLCL-03	Lập kế hoạch sản xuất
4	NLCL-04	Vệ sinh khu vực sản xuất
5	NLCL-05	Chuẩn bị kho bảo quản nguyên liệu, thành phẩm
6	NLCL-06	Xây dựng vườn ươm
7	NLCL-07	Chuẩn bị dụng cụ, trang thiết bị, vật tư sản xuất cây giống
8	NLCL-08	Nhân giống bằng hạt
9	NLCL-09	Nhân giống bằng phương pháp chiết cành
10	NLCL-10	Nhân giống bằng phương pháp ghép
11	NLCL-11	Phân loại và huấn luyện cây giống
12	NLCL-12	Chuẩn bị đất trồng cây nông nghiệp
13	NLCL-13	Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị, vật tư sản xuất cây nông nghiệp
14	NLCL-14	Trồng và chăm sóc cây họ cam quýt
15	NLCL-15	Trồng và chăm sóc cây sầu riêng
16	NLCL-16	Trồng và chăm sóc xoài
17	NLCL-17	Trồng và chăm sóc cây chôm chôm
18	NLCL-18	Trồng và chăm sóc cây nhãn
19	NLCL-19	Trồng và chăm sóc cây dứa
20	NLCL-20	Trồng và chăm sóc cây Tiêu
21	NLCL-21	Trồng và chăm sóc cây đậu phông
22	NLCL-22	Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị, vật tư sản xuất rau - hoa
23	NLCL-23	Trồng và chăm sóc cây cải xanh
24	NLCL-24	Trồng và chăm sóc rau mầm
25	NLCL-25	Trồng và chăm sóc rau thủy canh
26	NLCL-26	Trồng và chăm sóc hoa hướng dương

27	NLCL-27	Trồng và chăm sóc cây hoa cúc
28	NLCL-28	Trồng và chăm sóc cây ngô
29	NLCL-29	Quản lý dịch hại trên cây nông nghiệp
30	NLCL-30	Thu hoạch – bảo quản nông sản
31	NLCL-31	Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị, vật tư sản xuất nấm
32	NLCL-32	Trồng và chăm sóc nấm sò
33	NLCL-33	Trồng và chăm sóc nấm bào ngư
34	NLCL-34	Trồng và chăm sóc nấm rơm
35	NLCL-35	Quản lý dịch hại trên nấm
36	NLCL-36	Thu hoạch – bảo quản nấm
37	NLCL-37	Tham gia lớp tập huấn
38	NLCL-38	Tổ chức hội thảo
39	NLCL-39	Tham quan mô hình
<b>III</b>	<b>Năng lực nâng cao</b>	
1	NLNC-01	Tổ chức luyện tay nghề
2	NLNC-02	Đánh giá quá trình và kết quả sản xuất

## 6. Nội dung chương trình

STT	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Số tín chỉ	Tổng số giờ học	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành /thực tập/thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>8</b>	<b>180</b>	<b>63</b>	<b>107</b>	<b>10</b>
MH 01	Tiếng Anh	2	30	12	16	2
MH 02	Tin học	1	30	0	29	1
MH 03	Giáo dục Chính trị	2	45	26	16	3
MH 04	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 05	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	1	30	15	14	1
MH 06	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</b>	<b>31</b>	<b>750</b>	<b>218</b>	<b>496</b>	<b>36</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học/mô đun cơ sở</b>	<b>11</b>	<b>225</b>	<b>122</b>	<b>91</b>	<b>12</b>
MĐ 07	Đấu tranh sinh học và phòng trừ cỏ dại	3	60	28	30	2
MH 08	Sinh thái môi trường	2	45	33	10	2
MH 09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	60	15	41	4
MH 10	Khí tượng nông nghiệp và biến đổi khí hậu	3	60	46	10	4
<b>II.2</b>	<b>Các môn học/mô đun chuyên ngành</b>	<b>18</b>	<b>525</b>	<b>96</b>	<b>405</b>	<b>24</b>
MĐ 11	Cây công nghiệp dài ngày	4	90	30	56	4
MĐ 12	Công nghệ sản xuất cây dược liệu	3	60	26	30	4
MĐ 13	Trồng, chăm sóc cây đậu phộng (lạc)	2	45	10	31	4
MĐ 14	Trồng, chăm sóc cây ngô	2	45	10	31	4
MĐ 15	Trồng, chăm sóc cây lúa	2	30	10	16	4
MĐ 16	Trồng, chăm sóc cây mía	2	30	10	16	4
MĐ 17	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	

	<b>Tổng cộng</b>	<b>37</b>	<b>930</b>	<b>281</b>	<b>603</b>	<b>46</b>
<b>II.3</b>	<b><i>Các môn học chuyển đổi (dành cho đối tượng tốt nghiệp TC, CĐ, ĐH khác ngành đủ điều kiện học liên thông)</i></b>	<b>21</b>	<b>505</b>	<b>177</b>	<b>306</b>	<b>22</b>
MĐ 18	Sinh lý thực vật	3	60	28	30	2
MĐ 19	Đất và dinh dưỡng cây trồng	3	60	28	30	2
MĐ 20	Chọn tạo giống cây trồng	3	75	28	41	6
MĐ 21	Côn trùng và bệnh cây đại cương	3	60	28	30	2
MĐ 22	Công nghệ sản xuất cây ăn quả	4	120	45	70	5
MĐ 23	Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su	5	130	20	105	5

## **7. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

### **7.1. Việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc**

- Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/QĐ-BLĐT BXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/QĐ-BLĐT BXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/QĐ-BLĐT BXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Ngoại ngữ thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐT BXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành Chương trình môn

học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBOXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trong trường hợp Bộ LĐTBXH ban hành các Thông tư thay thế thì áp dụng theo Thông tư mới hiện hành.

Giáo dục quốc phòng và an ninh sinh viên được học tại Trường quân sự Quân đoàn 4 theo quy định của Bộ quốc phòng.

### **7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế**

- Đào tạo theo niên chế là phương thức tổ chức đào tạo theo năm học với lớp học tương đối cố định trong toàn khóa học, cho phép sinh viên cùng lớp thực hiện theo một kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu chung, thống nhất

- Đào tạo theo niên chế được tổ chức theo năm học, một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun. Ngoài hai học kỳ chính, nhà trường xem xét quyết định tổ chức thêm kỳ học phụ để người học có điều kiện được học lại, học bù. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun.

- Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế được thực hiện trong ba năm học

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Điểm của môn học, mô-đun theo thang điểm 10

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo từng học kỳ

- Sinh viên phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp để xét tốt nghiệp (trừ những trường hợp được làm khóa luận tốt nghiệp)

### **7.3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương pháp tích lũy mô-đun hoặc tích lũy tín chỉ**

- Đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô-đun, môn học, người học được

chủ động lựa chọn mô-đun, môn học theo quy định của nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn thành khối lượng mô-đun, tín chỉ quy định trong chương trình.

- Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng mô-đun, tín chỉ của từng chương trình

- Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô-đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm lớp học tích hợp, thực hành không quá 18 người học đối với nghề bình thường; không quá 10 người học đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô-đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô-đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô-đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

- Trước mỗi học kỳ, người học phải đăng ký học tập theo quy chế đào tạo của trường

- Điểm của môn học, mô-đun theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo môn học, mô-đun

- Sinh viên không phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp, sau khi tích lũy đủ môn học, mô-đun theo quy định của chương trình thì nhà trường xét tốt nghiệp

#### **7.4. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến**

- Các phần lý thuyết và những nội dung có thể thực hiện trực tuyến được triển khai thông qua các nền tảng học trực tuyến.

- Sử dụng các công cụ giảng dạy trực tuyến như video bài giảng, tài liệu điện tử, diễn đàn thảo luận và bài tập trực tuyến.

- Kiểm tra trực tuyến và bài tập nộp trực tuyến, sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá trực tuyến để đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

- Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện theo quy định của nhà trường (Quy chế số 432/QC-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng về Quy định đào tạo trực tuyến). Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

### **7.5. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa tại trường và tại một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo, thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa cụ thể như sau:

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian</b>
1	Sinh hoạt, học tập chính trị đầu khóa, phổ biến các quy chế đào tạo, nội quy của trường và lớp học	Tuần đầu của khoá học
2	Thể dục, thể thao	- Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
3	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
4	Hoạt động thư viện: Đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
5	Vui chơi, giải trí và các hoạt động khác	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt vào ngoài giờ lên lớp
6	Trải nghiệm thực tế về các vị trí làm việc, môi trường đi làm tại công ty, doanh nghiệp gắn với ngành nghề của HSSV	Học kỳ 1 của thời gian đào tạo
7	Hoạt động về nguồn, ngoại khóa	Mỗi khoá 1 lần

8	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục (giới tính, sức khoẻ sinh sản, luật an toàn giao thông, bạo lực học đường, phòng chống mại dâm, ma tuý....)	Phòng CTSV chịu trách nhiệm phối hợp với đoàn thanh niên và Ban nữ công tổ chức lồng ghép trong chào cờ hàng tháng
9	Học tập kỹ năng: - Văn hoá học đường - Kỹ năng học tập hiệu quả - Kỹ năng thuyết trình - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng số - Kỹ năng tìm kiếm việc làm - Tiếng Trung	Giao cho Phòng CTSV chủ trì, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện. Nội dung kỹ năng văn hoá học đường, Kỹ năng học tập hiệu quả nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức miễn phí. Các kỹ năng còn lại sẽ thu phí lấy thu bù chi.
10	Lao động	Giao Phòng CTSV chủ trì phối hợp cùng phòng TCHC phân công định kỳ hàng tháng

#### **7.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun**

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

#### **7.7. Thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp**

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

#### **7.8. Các hướng dẫn khác**

Trong quá trình tổ chức đào tạo nếu có phát sinh các nội dung liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo, nhà trường sẽ ban hành các hướng dẫn kịp thời để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hiệu quả, linh động và đạt chất lượng cao nhất.

*Bình Phước, ngày 29 tháng 4 năm 2024*



**ThS. Lê Văn Kích**

**PHÒNG ĐÀO TẠO**

**Lê Song Hào**

**KHOA NÔNG HỌC**

**Lưu Thị Thanh Thất**